

## THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

# KÍNH THIÊN

NGUYỄN VĂN NGHỆ<sup>(\*)</sup>

**T**hiên có nghĩa là Trời. Chữ “Thiên” (天) viết theo nét chữ Hán gồm có chữ “nhất” (一) ngự trên chữ “đại” (大), có nghĩa Trời là vĩ đại, là số một; chữ “Trời” (天) viết theo nét chữ Nôm được ghép bởi chữ “Thiên” (天) bao trùm trên chữ “thượng” (上) có nghĩa Trời cao vượt trên tất cả muôn loài, muôn vật. Vậy “Thiên” hoặc “Trời” là gì? Có phải “Thiên” hoặc “Trời” là khoảng mây xanh mà ta trông thấy không?

Trời là cái lí nhưng là cái linh diệu vô cùng, làm chủ muôn vật và ở chỗ nào cũng có: “Hoàng hĩ Thượng đế, lâm hạ hữu hách, giám quan tứ phương, cầu dân chi mạng” (*Thượng Đế rất lớn, soi xuống dưới rất rõ ràng, xem xét bốn phương để tìm sự khốn khổ của dân mà cứu giúp - Kinh Thi*). Chính do vậy mà con người phải kính Trời và sợ Trời. Vì có lòng kính sợ ấy mới đặt ra nghi lễ tôn nghiêm để tế Trời. Nhưng Trời là chí tôn, chỉ có Thiên tử là người chịu mệnh Trời mà trị muôn dân nên mới được quyền thay muôn dân để tế trời, còn chư hầu ai ở phương nào tế thần phương ấy, các quan và kẻ sĩ thì tế ngũ tự, tế tổ tiên trong nhà. Sự tế tự ấy nói rõ ràng trong sách *Lễ kí*, thiên Khúc lễ hạ: “Thiên tử tế thiên địa, tế tứ phương, tế sơn xuyên, tế ngũ tự; chư hầu phương tự, tế ngũ tự, đại phu tế ngũ tự; sĩ tế kì tiên” (*Thiên tử tế Trời đất, tế bốn phương, tế núi sông, tế ngũ tự<sup>(1)</sup>, chư hầu tế phương mình ở, tế ngũ tự; quan đại phu tế ngũ tự; kẻ sĩ tế tổ tiên*).

Sách *Lễ kí* chỉ ghi tới kẻ sĩ mà thôi, không biết dân thường tế ai? Ở Việt Nam cảm thức về quyền năng tối thượng của Trời đã thấm nhuần một cách mạnh mẽ vào tâm thức mọi tầng lớp lớn nhỏ, trí thức hay bình dân, không nhất thiết phải thuộc một tôn giáo nào. Ngôn ngữ bình dân cung cấp nhiều chứng từ về niềm tin vào quyền lực của Trời. Ví dụ khi người ta ngạc nhiên (vì vui mừng hoặc kinh sợ) đều thốt lên: “*Trời ơi*”, khi quá đau buồn hoặc chán nản sẽ là: “*Trời hỡi Trời*”; nếu có người hỏi thăm về làm ăn, thi cử hoặc chữa bệnh, v.v... người ta tự nhiên đáp: “*Nhờ Trời... cháu đã..., chúng tôi đã ...*” Khi nói: “*Trời cao có mắt*” nghĩa là người ta tin tưởng Trời luôn dõi mắt đến mọi công việc ở trần gian. Bởi vậy người ta quan niệm:

*Đi đâu cho khỏi lười Trời,*

*Ở đâu cho hợp mệnh Trời thì êm*

Ý niệm tôn giáo truyền thống sâu rộng nhất của dân tộc chúng ta là thờ Trời. Người nước ngoài đến ở nước ta một thời gian đều chung nhận xét đó. Linh mục Léopold Cadière, sinh năm 1869 tại Aix-En-Provence (Pháp), sang Việt Nam năm 1892 lúc mới 23 tuổi, mất tại Huế ngày 6-7-1955 (mộ của ông hiện nằm ở phía sau Đại Chung viện Xuân Bích, Kim Long, Huế), thọ 86 tuổi. Như vậy ông sống gần

\*. Nhà nghiên cứu, Khánh Hoà.

1. Ngũ tự là tế thần cửa, ngô, giêng, bếp và ở giữa nhà.

trọn cuộc đời ở Việt Nam (63 năm) và đã tự nhận mình hóa thành người Việt (Annamitisant). Ông đã nhận xét: “Hình như những ý nghĩa chính chúng ta đã thấy gán cho chữ Trời thuộc về cái vốn triết học riêng của dân tộc Việt Nam, vì ý niệm Trời đã ăn sâu trong tâm hồn nhân dân Việt Nam. Trời coi như một đấng Toàn năng có ảnh hưởng vào vận mệnh của loài người. Nếu có sự nghi ngờ, thì chỉ đối với ý nghĩa sau rốt ấy. Người ta có thể thừa nhận như tôi tưởng, là cái ý nghĩa một đấng Toàn năng đã được trau dồi phát triển với ảnh hưởng các tư tưởng trung Hoa, nhưng ngay từ khởi thủy trong ý thức Việt Nam đã sẵn có mầm mống của ý niệm ấy rồi. Bằng chứng như tôi đã nói, là cái ý niệm ấy đã thấm nhuần quá sâu vào tâm hồn Việt Nam, và đã biểu hiện quá phổ thông trong ngôn ngữ bình dân để cho người ta có thể nhìn thấy ở đây chỉ là cố gắng ngoại lai. Những ý tưởng Phật giáo, những ý tưởng Nho giáo, theo quan điểm lịch sử chắc chắn từ Trung Hoa du nhập, đã không thấm nhuần vào đời sống tâm hồn, vào ngôn ngữ bình dân đến mức độ ấy được”<sup>(2)</sup>.

Nghi thức thờ Trời của người Việt Nam được biểu hiện trong khắp mọi tầng lớp xã hội. Cách nay không lâu, hầu như trước sân nhà nào cũng có một bàn thờ và người ta gọi đó là “bàn Thiên” (Miền Bắc gọi là “cây hương”). Bàn thờ rất là đơn giản: một tấm ván vuông đặt trên một trụ gỗ hoặc một tấm xi măng đúc đặt trên một trụ xây bằng xi măng. Tấm ván hoặc tấm xi măng đúc chính là “*bàn thờ*”. Trên bàn thờ đặt một bát nhang, một bình hoa, một chén nước lã. Nhang toả hương thơm, hoa khoe sắc, nước tinh khiết là lễ dâng cúng Trời. Gia đình nào dù nghèo đến mấy cũng có thể kiếm đủ lễ vật như thế. Sáng chiều, người gia trưởng hoặc một người nào đó trong gia đình đứng trước bàn Thiên thắp nhang vái bốn phương, miệng lâm râm khẩn xin Trời phù hộ độ trì cho gia đình được bình an, làm ăn ngày một khấm khá hơn và:

*Mỗi đêm mỗi thấp đèn Trời*

*Cầu cho cha mẹ sống đời với con*

Nghi thức đơn giản này nhịp nhàng theo năm tháng, in đậm trong tâm hồn con người, nối kết họ với tiên nhân, với Đất - Trời và do đó nối kết với mọi người.

Bàn dân thiên hạ thì như vậy, còn việc thờ Trời của vua, chúa Việt Nam như thế nào? Việc thờ Trời của vua, chúa Việt Nam được tập trung trong việc tế Nam giao. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ nhắc đến tế Nam giao của triều Nguyễn. Ngay sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long cho đắp đàn Nam giao ở xã An Ninh vào năm 1803 để tế Trời. Năm 1806, ông cho dời đàn đến xã An Cựu như chúng ta thấy hiện nay<sup>(3)</sup>. Năm 1807, vua Gia Long đã tế Nam Giao lần đầu tiên tại địa điểm mới này và sau đó được cử hành hằng năm vào tháng, ngày do Bộ Lễ ấn định. Năm 1890 dưới triều vua Thành Thái, triều đình thấy mỗi lần tế quá tốn kém mà ngân sách thì không có nên quy định 3 năm mới tế một lần vào các năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu. Lần tế Nam giao cuối cùng diễn ra vào năm 1942.

Năm 1830, sau khi tế Nam giao xong, vua Minh Mạng truyền cho quan Bộ Lễ rằng: “Đấng vương giả phải chí thành kính cẩn mới mong cảm cách được lòng Trời. Nay nghi lễ tế Giao tuy nhiều mà trăm một lòng thành kính vẫn không thấy một mỗi, rồi đây ngày khác năm mười, sáu mươi tuổi thì trăm cũng phải cố gắng chăm lo, không giám trễ vậy”<sup>(4)</sup>.

Việc tế Nam giao được linh mục Cadière nhận xét: “Việc thờ Trời thấy

3. Linh mục JMT. Nguyễn Thế Thoại. *Tôn giáo học và các Tôn giáo lớn ở Việt Nam*, tr. 246-247. Tác giả dịch từ *Croyances et Pratiques des Vietnamiens*, tr. 3.

3. *Khâm định Đại Nam hội điển sử lệ*, tập VI, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tr. 358.

4. *Minh Mệnh chính yếu*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1994, tr. 39.

được tập trung vào tế Nam giao. Trong nghi lễ này, việc thờ tự mang một vẻ long trọng, uy nghi xứng hợp với sự cao cả của Đấng người ta tôn thờ, phản ánh vẻ trong sáng của niềm tin vào Đấng ấy, nói lên những tâm tình sâu xa Đấng ấy gọi lên trong tâm hồn người Việt Nam. Vua được coi như đại diện của dân, được uỷ nhiệm, nhân danh toàn dân vua phủ phục, dâng lễ vật, dâng lời tạ ơn, dâng lời khẩn cầu. Cũng như tin vào quyền năng tối thượng của Trời là phần cao quý nhất, trong sáng nhất trong toàn bộ tín ngưỡng của người dân Việt Nam, tế Nam giao biểu hiện long trọng của niềm tin này, là hành vi thờ tự lớn nhất của người Việt Nam<sup>(5)</sup>.

Quốc sử quán triều Nguyễn khi soạn bộ *Minh Mạng chính yếu* gồm 22 thiên, thiên đầu tiên là thiên “*Kính Thiên*” (kính Trời). Ngay trang đầu tiên của thiên “*Kính Thiên*” đã ghi: “Minh Mạng năm đầu, Tháng sáu, tỉnh Hà Tiên, tỉnh Vĩnh Thanh (nay là Vĩnh Long) và tỉnh Định Trường, bệnh dịch lan tràn. Tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Nghệ An, tỉnh Thanh Hoa (nay là Thanh Hóa) lâu chẳng có mưa. Hoàng đế sai các nơi sở tại cầu đảo.

Ngài bảo các bầy tôi rằng: “Trẫm từ khi lên ngôi đến nay, lúc nào cũng nơm nớp nem nép, chỉ sợ chưa hợp ý Trời, nay hạn, dịch làm tai, có phải Đấng Thượng Đế đã khiển trách ta là không có đức vậy ư”. Quan Lại Bộ Thượng thư là ông Nguyễn Hữu Thận tâu rằng: “Tai Trời lưu hành từ đời xưa thường có. Đấng vương giả mỗi khi gặp tai biến sợ mà lo thêm sửa đức chính, thời tai lại chuyển làm lành vậy<sup>(6)</sup>. Suốt trong thiên “*Kính Thiên*” mỗi khi trong nước có thiên tai, dịch bệnh hoành hành ta thường xuyên đọc những câu đại loại như: “Nay trẫm phải cố gắng sửa mình tu đức để cầu Trời hồi tâm bảo hộ<sup>(7)</sup>”.

Ngày nay, khoa học tuy hiện đại cũng không thể triệt tiêu được thiên tai dịch bệnh. Những thiên tai, dịch bệnh xảy ra

chính là điều cảnh báo con người huỷ hoại thiên nhiên, bởi vì “ngịch thiên giả vong, thuận thiên giả tồn”.

Việc thờ Trời của người Việt Nam được linh mục Cadière nhận xét một cách chân tình: “Tôi đã nghiên cứu tín ngưỡng, các thực hành lễ nghi tôn giáo, phong tục tập quán của họ và phải thừa nhận rằng nhân dân An Nam sâu sắc về tôn giáo tín ngưỡng của họ trong sáng và khi họ cầu cứu đến Trời, tế tự Trời thì cũng có thể họ cùng đến với cùng một Đấng Toàn năng mà chính tôi đang thờ kính và gọi bằng CHÚA, và tự đáy lòng họ đang lưu giữ một tia sáng tôn giáo tự nhiên mà tạo hóa vốn ẩn dấu vào tâm khảm nhân sinh<sup>(8)</sup>”.

Trời là cùng đích, là cứu cánh để con người hướng tới. Sách *Trung Dung* viết: “Cố quân tử bất khả dĩ bất tu thân. Tư tu thân, bất khả dĩ bất tri nhơn. Tư tri nhơn, bất khả dĩ bất tri thiên” (Cho nên bậc quân tử cần phải tu tập lấy mình. Muốn tu tập lấy mình, cần phải ăn ở có hiếu thảo với cha mẹ. Muốn ăn ở có hiếu thảo với cha mẹ, cần phải biết người, muốn biết người, cần phải biết TRỜI).

Mọi người trong xã hội không trừ ai phải luôn xem việc “kính Thiên” và sống “thuận Thiên” là lẽ sống của mình. Có “kính Thiên”, có “thuận Thiên” mới mong thế giới đến chỗ đại đồng.

*Thế giới đại đồng Thiên tác chủ*

*Nhân tâm hợp nhất Đạo duy quy*

(Trời làm chủ, thế giới mới đại đồng)

Đạo làm cho lòng người quy về một mối)/.

5. *Tôn giáo học*, Sđd., tr. 257.

6. *Minh Mệnh chính yếu*, Sđd., tr. 23, 42.

7. Léopold Cadière. *Le Saricafice du Nam Giao (Tế Nam Giao)*, Nxb. Đà Nẵng, 1995. tr. 136.

8. Léopold Cadière. *Le Saricafice du Nam Giao (Tế Nam Giao)*, Nxb. Đà Nẵng, 1995. tr. 136.